

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 12 - 7 - 2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi
con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên

Ông Dương Lê Bửu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh D tham gia phiên tòa: Ông

Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh D xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh D bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1977.

Thường trú: 1270, Quốc Lộ 51, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh D.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Trọng T1**, sinh năm 1978

Thường trú: Ấp X, xã L, huyện L, tỉnh D.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Trọng T1 tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh D. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Vợ chồng ít khi trò chuyện, ông T1 không quan tâm đến mọi việc trong gia đình và chăm sóc con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn ông Lê Trọng T1 vì hàn gắn vợ chồng cũng không hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Trọng K, sinh ngày 25/6/2002 và cháu Lê Nguyễn Lam K1, sinh ngày 25/8/2013. Ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc cháu K1. Bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu K đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà là chủ doanh nghiệp tư nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 40.000.000đ đến 50.000.000đ nên có đủ điều kiện nuôi con và có thời gian chăm con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Trọng T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh D. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Ông xác định giữa ông và bà T không xảy ra mâu thuẫn gì, vẫn sống chung với nhau, cùng nhau chăm sóc con cái, chăm sóc gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông xác định vẫn thương vợ con nhưng bà T cương quyết xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Trọng K, sinh ngày 25/6/2002 và cháu Lê Nguyễn Lam K1, sinh ngày 25/8/2013. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao cháu K1 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh D đã tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Xuân T với ông Lê Trọng T1. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, bà Nguyễn Xuân T kháng cáo đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D tại phiên*

Tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sự tự nguyện này không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Xuân T làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1] Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Xuân T:

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và ông T1 thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Lam K1, sinh ngày 25/8/2013 cho bà T được chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Trọng K, sinh ngày 25/6/2002 đến nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà T tự nguyện nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Như vậy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận theo quy định khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T tự nguyện nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28, khoản 1 khoản 2 Điều 300; khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 51, Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 33/2022/HNGĐ-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh D.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Xuân T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Lê Trọng T1.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân T và ông Lê Trọng T1 thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Lam K1, sinh ngày 25/8/2013 cho bà Nguyễn Xuân T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà Nguyễn Xuân T chưa yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Trọng K, sinh ngày 25/6/2002 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Lê Trọng T1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

+ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Xuân T tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai số 0005125 ngày 28/12/2021.

+ Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Xuân T không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Xuân T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005543 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh D;
- VKS huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND H. L;
- Cục THADS tỉnh D;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ký

